

Số: /KH-SYT

Quảng Bình, ngày tháng năm 2020

KẾ HOẠCH

Xét tuyển viên chức Bệnh viện đa khoa huyện Bố Trạch *(Hoàn chỉnh sau khi Sở Nội vụ thẩm định)*

I. Căn cứ xây dựng kế hoạch

1. Căn cứ pháp lý:

Luật viên chức số 58/2010/QH12 ngày 15/11/2010.

Luật sửa đổi, bổ sung một số điều Luật cán bộ, công chức và Luật viên chức ngày 25/11/2019.

Nghị định số 29/2012/NĐ-CP ngày 12/4/2012 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức.

Nghị định 161/2018/NĐ-CP ngày 29/11/2018 của Chính phủ ban hành sửa đổi, bổ sung một số quy định về tuyển dụng công chức, viên chức, nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức và thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập.

Thông tư số 15/2012/TT-BNV ngày 25/12/2012 của Bộ Nội vụ về việc hướng dẫn về tuyển dụng, ký kết hợp đồng làm việc và đền bù chi phí đào tạo, bồi dưỡng đối với viên chức.

Thông tư số 04/2015/TT-BNV ngày 31/8/2015 của Bộ Nội vụ về việc sửa đổi bổ sung Điều 6 Thông tư số 15/2012/TT-BNV ngày 25/12/2012 của Bộ Nội vụ về việc hướng dẫn về tuyển dụng, ký kết hợp đồng làm việc và đền bù chi phí đào tạo, bồi dưỡng đối với viên chức.

Thông tư 03/2019/TT-BNV ngày 14/5/2019 của Bộ Nội vụ về việc sửa đổi, bổ sung một số quy định về tuyển dụng công chức, viên chức, nâng ngạch công chức, thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức và thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập.

Thông tư số 10/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 27/5/2015 của liên Bộ Y tế, Bộ Nội vụ Quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp Bác sĩ, Bác sĩ y học dự phòng, Y sĩ.

Thông tư số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015 của liên Bộ Y tế, Bộ Nội vụ Quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp Điều dưỡng, Hộ sinh, Kỹ thuật Y.

Thông tư 77/2019/TT-BTC ngày 11/11/2019 của Bộ Tài chính về việc Quy định mã số, tiêu chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ và xếp lương đối với ngạch công chức chuyên ngành kế toán, thuế, hải quan, dự trữ.

Thông tư số 27/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 7/10/2015 của liên Bộ Y tế, Bộ Nội vụ quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp được;

Thông tư 05/2017/TT-BNV ngày 15/8/2017 của Bộ Nội vụ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 11/2014/TT-BNV ngày 09/10/2014 và Thông tư 13/2010/TT-BNV ngày 30/12/2010 của Bộ Nội vụ về tiêu chuẩn nghiệp vụ chuyên môn, bổ nhiệm ngạch và xếp lương đối với các ngạch công chức chuyên ngành hành chính và việc tổ chức thi nâng ngạch công chức.

Thông tư số 17/2016/TTLT-BGDĐT-BTTTT ngày 21/6/2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ thông tin và truyền thông về việc Quy định tổ chức thi và cấp chứng chỉ ứng dụng công nghệ thông tin.

Quyết định số 13/2012/QĐ-UBND ngày 04/7/2012 của UBND tỉnh Quảng Bình về việc ban hành quy định phân cấp về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức thuộc thẩm quyền quản lý của UBND tỉnh.

Công văn số 3755/BGDĐT-GDTH ngày 3/8/2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc quy đổi chứng chỉ ngoại ngữ, tin học; Công văn số 6089/BGDĐT-GDTH ngày 27/10/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo; Công văn số 2374/SGDĐT-TCCB ngày 18/9/2019 của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Quảng Bình về việc quy đổi chứng chỉ ngoại ngữ.

Quyết định số 43/QĐ-SNV ngày 10/03/2020 của Sở Nội vụ về việc phê duyệt số lượng người làm việc hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp của các đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo một phần chi thường xuyên.

Quyết định số 249/QĐ-SNV ngày 31/12/2019 của Sở Nội vụ về việc giao biên chế công chức hành chính, số lượng người làm việc và hợp đồng lao động theo Nghị định 68/2000/NĐ-CP và Nghị định 161/NĐ-CP của Chính phủ năm 2020.

Quyết định số 379/QĐ-SYT ngày 29/5/2020 của Sở Y tế về việc phê duyệt Đề án vị trí việc làm của Bệnh viện đa khoa huyện Bố Trạch, giai đoạn 2018 - 2021.

Công văn số 1804/SNV-CCVC ngày 29/11/2017 của Sở Nội vụ về việc hướng dẫn một số nội dung về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức; Công văn số 927/SNV-CCVC ngày 13/7/2018 của Sở Nội vụ về việc tăng cường công tác tuyển dụng viên chức.

Căn cứ Kế hoạch số 1739/KH-SYT ngày 15/7/2020 của Sở Y tế về xét tuyển viên chức Bệnh viện đa khoa huyện Bố Trạch; Công văn số 937/SNV-CBCCVC ngày 30/7/2020 của Sở Nội vụ về việc thẩm định Kế hoạch xét tuyển viên chức năm 2020 của Bệnh viện đa khoa huyện Bố Trạch trực thuộc Sở Y tế.

Căn cứ các văn bản quy định hiện hành về xét tuyển viên chức.

2. Căn cứ thực tiễn:

Căn cứ tình hình biên chế; vị trí việc làm; cơ cấu chức danh, cơ cấu bộ phận và khả năng tài chính của Bệnh viện đa khoa huyện Bố Trạch.

Theo đề xuất của Bệnh viện đa khoa huyện Bố Trạch về việc đăng ký xét tuyển viên chức sự nghiệp tự bảo đảm chi phí hoạt động thường xuyên năm 2020 tại Tờ trình số 1360/TTr-BVĐK ngày 10/7/2020.

II. Nội dung kế hoạch

1. Chỉ tiêu, hình thức tuyển dụng:

- **Chỉ tiêu tuyển dụng:** 29 chỉ tiêu (viên chức sự nghiệp hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp). Cụ thể: *Có phụ lục số 1 đính kèm*

- **Hình thức tuyển dụng:** Xét tuyển.

2. Vị trí việc làm cần xét tuyển: 24 vị trí

2.1. Tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp các vị trí đăng ký dự tuyển:

(Có biểu phụ lục số 2 đính kèm).

2.2. Trình độ ngoại ngữ tại kế hoạch này

2.2.1. Đối với chức danh nghề nghiệp hạng III và tương đương.

a) Có trình độ ngoại ngữ bậc 2 (A2) trở lên theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 01 năm 2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam .

Hoặc có một trong các trình độ sau:

- Có bằng tốt nghiệp đại học hoặc sau đại học về ngoại ngữ.

- Có một trong các chứng chỉ TOEFL, IELTS, TOEIC: Được cơ sở đào tạo, cơ quan có thẩm quyền quy đổi hoặc xác nhận trình độ tương đương trình độ ngoại ngữ bậc 2 (A2) trở lên theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam. Chứng chỉ TOEFL, IELTS, TOEIC phải đang trong thời hạn sử dụng theo quy định.

b) Trường hợp chưa bảo đảm các quy định về trình độ ngoại ngữ điểm a của mục này thì người dự tuyển phải có chứng chỉ ngoại ngữ trình độ B hoặc trình độ C theo Quyết định 177/QĐ-TCBT ngày 30/01/1993 của Bộ trưởng Bộ

Giáo dục và Đào tạo; Chứng chỉ ngoại ngữ trình độ B, trình độ C phải được cấp trước ngày 15/01/2020.

2.2.2. Đối với chức danh nghề nghiệp hạng IV và tương đương.

a) Có trình độ ngoại ngữ bậc 1 (A1) trở lên theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 01 năm 2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam .

Hoặc có một trong các trình độ sau:

- Có bằng tốt nghiệp đại học hoặc sau đại học về ngoại ngữ.
- Có một trong các chứng chỉ TOEFL, IELTS, TOEIC: Được cơ sở đào tạo, cơ quan có thẩm quyền quy đổi hoặc xác nhận trình độ tương đương trình độ ngoại ngữ bậc 1 (A1) trở lên theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam. Chứng chỉ TOEFL, IELTS, TOEIC phải đang trong thời hạn sử dụng theo quy định.

b) Trường hợp chưa bảo đảm các quy định về trình độ ngoại ngữ điểm a của mục này thì người dự tuyển phải có chứng chỉ ngoại ngữ trình độ A hoặc trình độ B hoặc trình độ C theo Quyết định 177/QĐ-TCBT ngày 30/01/1993 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo; Chứng chỉ ngoại ngữ trình độ A, trình độ B, trình độ C phải được cấp trước ngày 15/01/2020.

2.3. Trình độ tin học tại kế hoạch này:

a) Người dự tuyển phải có trình độ tin học đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản trở lên (Có một trong các văn bằng, chứng chỉ sau: Chứng chỉ Ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản; Chứng chỉ Ứng dụng công nghệ thông tin nâng cao; Bằng tốt nghiệp trình độ trung cấp, cao đẳng, đại học, sau đại học ngành hoặc chuyên ngành Công nghệ thông tin).

b) Trong trường hợp chưa có đạt trình độ tin học theo quy định điểm a mục này thì người dự tuyển chức danh nghề nghiệp hạng III và tương đương phải có chứng chỉ tin học trình độ B hoặc trình độ C; người dự tuyển chức danh nghề nghiệp hạng IV và tương đương phải có chứng chỉ tin học trình độ A hoặc trình độ B hoặc trình độ C. Các chứng chỉ tin học trình độ A, B, C được cơ sở đào tạo, cơ quan có thẩm quyền cấp trước ngày 11/8/2016.

3. Nội dung xét tuyển

3.1. Đối tượng, điều kiện, tiêu chuẩn đăng ký xét tuyển

- Người đăng ký xét tuyển viên chức phải có đủ tiêu chuẩn về phẩm chất, chuyên môn nghiệp vụ, năng lực theo yêu cầu của vị trí cần tuyển và đảm bảo

các điều kiện theo quy định tại Điều 22 Luật Viên chức và điều kiện của đơn vị đăng ký dự tuyển:

- + Có quốc tịch Việt Nam và cư trú tại Việt Nam;
- + Từ đủ 18 tuổi trở lên;
- + Có đơn đăng ký dự tuyển;
- + Có lý lịch rõ ràng;
- + Có văn bằng, chứng chỉ đào tạo phù hợp với vị trí việc làm;
- + Đủ sức khỏe để thực hiện công việc hoặc nhiệm vụ;
- Những người sau đây không thuộc đối tượng đăng ký xét tuyển viên chức:
 - + Mất năng lực hành vi dân sự hoặc bị hạn chế năng lực hành vi dân sự; đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự;
 - + Đang chấp hành bản án, quyết định về hình sự của Tòa án; đang bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở chữa bệnh, cơ sở giáo dục, trường giáo dưỡng.

3.2. Phiếu đăng ký dự tuyển và Hồ sơ dự tuyển:

- Phiếu đăng ký dự tuyển:

Phiếu đăng ký dự tuyển theo mẫu quy định tại Nghị định 161/2018/NĐ-CP ngày 29/11/2018 của Chính phủ. *(Có mẫu Phiếu đăng ký dự tuyển kèm theo)*

- Hồ sơ dự tuyển:

Hồ sơ dự tuyển viên chức nộp hoàn thiện tại Sở Y tế sau khi có thông báo kết quả trúng tuyển. Thành phần hồ sơ như sau:

- + Bản sơ yếu lý lịch tự thuật có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền trong thời hạn 06 tháng, tính đến ngày nộp hồ sơ dự tuyển;
- + Bản sao các văn bằng, chứng chỉ và kết quả học tập theo yêu cầu của vị trí dự tuyển, được cơ quan có thẩm quyền chứng thực. Trường hợp văn bằng do cơ sở đào tạo nước ngoài cấp phải được công chứng dịch thuật sang tiếng Việt và chứng nhận của Cục Quản lý chất lượng;
- + Giấy chứng nhận sức khỏe còn giá trị sử dụng do cơ sở khám chữa bệnh đủ điều kiện được cấp chứng nhận sức khỏe theo quy định hiện hành;
- + Giấy chứng nhận thuộc đối tượng ưu tiên trong tuyển dụng viên chức (nếu có) được cơ quan có thẩm quyền chứng thực;
- * Lưu ý: Các bản sao văn bằng, chứng chỉ, chứng nhận ưu tiên và giấy tờ khác phải kèm theo bản chính để đối chiếu theo quy định.
- Số lượng hồ sơ dự tuyển: 01 bộ hồ sơ/ thí sinh dự tuyển

- Hồ sơ dự tuyển được đựng trong phong bì cỡ 22cmx32cm

3.3. Quy định đăng ký nguyện vọng dự tuyển.

Một thí sinh chỉ được đăng ký dự tuyển tại một vị trí việc làm.

3.4. Lệ phí đăng ký xét tuyển:

Theo quy định Thông tư số 228/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí xét tuyển, dự thi nâng ngạch, thăng hạng công chức, viên chức.

3.5. Thời gian, thời hạn và địa điểm nộp Phiếu đăng ký dự tuyển:

- Thời gian dự kiến: Quý III và Quý IV năm 2020
- Thời hạn nhận Phiếu đăng ký dự tuyển của người đăng ký dự tuyển là 30 ngày kể từ ngày thông báo tuyển dụng công khai trên phương tiện thông tin đại chúng, trên trang thông tin điện tử của Sở Y tế.

Người đăng ký dự tuyển viên chức nộp trực tiếp Phiếu đăng ký dự tuyển viên chức tại Tổ tiếp nhận Phiếu đăng ký dự tuyển của Sở Y tế hoặc gửi theo đường bưu chính. Vào lúc 17h00 của ngày cuối cùng trong thời hạn thu nhận Phiếu đăng ký dự tuyển, Tổ tiếp nhận Phiếu đăng ký dự tuyển lập biên bản tổng hợp số lượng Phiếu đăng ký dự tuyển qua nhận trực tiếp và đường bưu chính. (Đối với Phiếu đăng ký dự tuyển nộp qua đường bưu chính: Thời gian nộp Phiếu đăng ký dự tuyển là thời gian trên dấu tiếp nhận văn bản đến của Văn thư Sở Y tế).

- Địa điểm tiếp nhận Phiếu đăng ký dự tuyển: Sở Y tế tỉnh Quảng Bình (Địa chỉ: Số 2, đường Hồ Xuân Hương, phường Đồng Hải, thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình).

3.6. Nội dung và hình thức xét tuyển viên chức

Xét tuyển viên chức được thực hiện theo 2 vòng như sau:

3.6.1. Vòng 1

Hội đồng xét tuyển kiểm tra điều kiện, tiêu chuẩn của người dự tuyển đăng ký tại Phiếu đăng ký dự tuyển theo yêu cầu của vị trí việc làm, nếu phù hợp thì người dự tuyển được tham dự vòng 2.

Chậm nhất là 05 ngày làm việc sau ngày kết thúc việc kiểm tra điều kiện, tiêu chuẩn của người dự tuyển tại vòng 1, phải thông báo triệu tập thí sinh tham dự vòng 2; thông báo phải nêu cụ thể thời gian, địa điểm tổ chức phỏng vấn.

Chậm nhất là 15 ngày sau ngày thông báo triệu tập thí sinh được tham dự vòng 2 thì phải tiến hành tổ chức xét vòng 2.

3.6.2. Vòng 2

a) Thực hiện kiểm tra về năng lực, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ của người dự tuyển tại vòng 2 bằng hình thức phỏng vấn phù hợp với tính chất hoạt động nghề nghiệp và yêu cầu của vị trí việc làm cần tuyển.

b) Điểm phỏng vấn được tính theo thang điểm 100.

c) Thời gian phỏng vấn 30 phút.

d) Không thực hiện việc phúc khảo đối với kết quả phỏng vấn.

3.7. Nội dung ôn tập để kiểm tra về năng lực, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ của người dự tuyển tại vòng 2 của kỳ xét tuyển.

Chậm nhất 05 ngày làm việc sau ngày kết thúc việc kiểm tra điều kiện, tiêu chuẩn của người dự tuyển tại vòng 1, phải thông báo cụ thể nội dung ôn tập cho thí sinh đủ điều kiện, tiêu chuẩn tham dự vòng 2.

Căn cứ tính chất hoạt động nghề nghiệp và yêu cầu của vị trí việc làm cần tuyển, Hội đồng xét tuyển thống nhất nội dung ôn tập cụ thể của từng vị trí dự tuyển và thông báo bằng văn bản đến người dự tuyển theo quy định.

3.8. Xác định người trúng tuyển.

a) Người trúng tuyển trong kỳ xét tuyển viên chức phải có đủ các điều kiện sau:

- Có kết quả điểm phỏng vấn quy định vòng 2 đạt từ 50 điểm trở lên;
- Có số điểm vòng 2 cộng với điểm ưu tiên (nếu có) quy định tại khoản 3 Điều 10 Nghị định 29/2012/NĐ-CP đã được sửa đổi tại Nghị định 161/2018/NĐ-CP cao hơn lấy theo thứ tự từ cao xuống thấp trong phạm vi chỉ tiêu được xét tuyển của từng vị trí việc làm.

b) Trường hợp có từ 02 người trở lên có kết quả điểm phỏng vấn quy định tại vòng 2 cộng với điểm ưu tiên quy định tại khoản 3 Điều 10 Nghị định 29/2012/NĐ-CP đã được sửa đổi tại Nghị định 161/2018/NĐ-CP bằng nhau ở chỉ tiêu cuối cùng cần xét tuyển thì người có kết quả điểm phỏng vấn tại vòng 2 cao hơn là người trúng tuyển; nếu vẫn không xác định được thì người đứng đầu cơ quan, đơn vị có thẩm quyền xét tuyển viên chức quyết định người trúng tuyển.

c) Trường hợp người dự xét tuyển viên chức thuộc nhiều diện ưu tiên quy định tại khoản 3 Điều 10 Nghị định 29/2012/NĐ-CP đã được sửa đổi tại Nghị định 161/2018/NĐ-CP thì chỉ được cộng điểm ưu tiên cao nhất vào kết quả điểm thi tại vòng 2 theo quy định.

d) Người không trúng tuyển trong kỳ xét tuyển viên chức không được bảo lưu kết quả xét tuyển cho các kỳ xét tuyển lần sau.

3.9. Đối tượng và điểm ưu tiên trong xét tuyển viên chức:

- Anh hùng Lực lượng vũ trang, Anh hùng Lao động, thương binh, người hưởng chính sách như thương binh, thương binh loại B: được cộng 7,5 điểm vào kết quả điểm phỏng vấn tại vòng 2;

- Người dân tộc thiểu số, sĩ quan quân đội, sĩ quan công an, quân nhân chuyên nghiệp, người làm công tác cơ yếu chuyển ngành, con liệt sĩ, con thương binh, con bệnh binh, con của người hưởng chính sách như thương binh, con của thương binh loại B, con của người hoạt động cách mạng trước tổng khởi nghĩa (từ ngày 19 tháng 8 năm 1945 trở về trước), con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học, con Anh hùng Lực lượng vũ trang, con Anh hùng Lao động: được cộng 5 điểm vào kết quả điểm phỏng vấn tại vòng 2;

- Người hoàn thành nghĩa vụ quân sự, nghĩa vụ phục vụ có thời hạn trong lực lượng công an nhân dân, đội viên thanh niên xung phong, đội viên trí thức trẻ tình nguyện tham gia phát triển nông thôn, miền núi từ đủ 24 tháng trở lên đã hoàn thành nhiệm vụ: được cộng 2,5 điểm vào kết quả điểm phỏng vấn tại vòng 2.

3.10. Hội đồng xét tuyển

- Hội đồng xét tuyển được thành lập theo quy định Khoản 2 Điều 6 Nghị định 29/2012/NĐ-CP của Chính phủ về xét tuyển, sử dụng và quản lý viên chức và các văn bản quy định hiện hành.

- Hội đồng xét tuyển làm việc theo nguyên tắc, nhiệm vụ quy định tại Khoản 3 Điều 6 Nghị định 29/2012/NĐ-CP đã được sửa đổi tại khoản 2 Điều 2 Nghị định 161/2018/NĐ-CP của Chính phủ.

- Hội đồng xét tuyển viên chức thành lập các Ban giúp việc gồm: Ban Kiểm tra Phiếu đăng ký dự tuyển, Ban Kiểm tra sát hạch và các tổ giúp việc khác để triển khai các hoạt động của Hội đồng.

3.11. Các nội dung khác

Thực hiện các nội dung khác của quy trình xét tuyển viên chức theo các văn bản quy định hiện hành.

III. Tổ chức thực hiện

1. Sau 10 ngày kể từ ngày ban hành kế hoạch này, nếu Sở Nội vụ không có ý kiến thì Sở Y tế thực hiện đăng tải thông báo xét tuyển 01 lần trên Báo Quảng Bình; đăng tải trên Trang thông tin điện tử Quảng Bình và Trang thông tin điện tử Sở Y tế Quảng Bình; niêm yết tại trụ sở làm việc của Sở Y tế và triển khai quy trình xét tuyển viên chức theo quy định.

2. Thu nhận Phiếu đăng ký dự tuyển trong thời hạn 30 ngày.

3. Thành lập Hội đồng xét tuyển viên chức, Ban Giám sát theo quy định. Hội đồng xét tuyển được sử dụng con dấu, tài khoản của Sở Y tế trong các hoạt động của Hội đồng. Ban Giám sát được sử dụng con dấu của Sở Y tế trong các hoạt động của Ban Giám sát.

4. Hội đồng xét tuyển viên chức triển khai thực hiện xét tuyển theo kế hoạch đã được phê duyệt, Luật viên chức và các văn bản quy định hiện hành.

5. Hội đồng xét tuyển viên chức trình Giám đốc Sở Y tế phê duyệt kết quả xét tuyển sau khi kết thúc công tác phỏng vấn tại vòng 2 theo thời gian quy định.

6. Giám đốc Bệnh viện đa khoa huyện Bố Trạch căn cứ quyết định phê duyệt kết quả xét tuyển của Sở Y tế để thẩm tra, xác minh văn bằng, chứng chỉ và ký hợp đồng làm việc đối với người trúng tuyển theo quy định.

Trên đây là Kế hoạch xét tuyển viên chức thuộc Bệnh viện đa khoa huyện Bố Trạch; các cơ quan, tổ chức, đơn vị và cá nhân căn cứ để triển khai thực hiện./.

Nơi nhận

- Sở Nội vụ;
- Lãnh đạo Sở Y tế;
- Lưu: VT, TCCB.

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Đức Cường

PHỤ LỤC 1
TÌNH HÌNH THỰC HIỆN BIÊN CHẾ VÀ CHỈ TIÊU XÉT TUYỂN VIÊN CHỨC
TẠI BỆNH VIỆN ĐA KHOA HUYỆN BỐ TRẠCH

Số lượng người làm việc được giao, phê duyệt			Số lượng người làm việc hiện có				Số lượng người làm việc được giao, phê duyệt chưa tuyển dụng, sử dụng			Chỉ tiêu xét tuyển viên chức		
Tổng	Trong đó		Tổng	Trong đó			Tổng	Trong đó		Tổng	Trong đó	
	Số lượng người làm việc (BCSN) được giao tại Quyết định số 249/QĐ-SNV	Số lượng người làm việc hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp được phê duyệt tại Quyết định 43/QĐ-SNV		Viên chức sự nghiệp	Viên chức sự nghiệp hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp	Hợp đồng theo Nghị định 161/2018 /NĐ-CP		Số lượng người làm việc (BCSN) được giao tại Quyết định số 249/QĐ-SNV	Số lượng người làm việc hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp được phê duyệt tại Quyết định 43/QĐ-SNV		Viên chức sự nghiệp	Viên chức sự nghiệp hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp
293	135	158	264	135	103	26	29	0	29	29		29

PHỤ LỤC 2
TỔNG HỢP VỊ TRÍ VIỆC LÀM, TIÊU CHUẨN CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP CHỈ TIÊU XÉT TUYỂN VIÊN CHỨC
(HƯỞNG LƯƠNG TỪ NGUỒN THU SỰ NGHIỆP) TẠI BỆNH VIỆN ĐA KHOA HUYỆN BỐ TRẠCH

Mã số dự tuyển	Hạng chức danh nghề nghiệp, mã số chức danh nghề nghiệp	Chỉ tiêu tuyển dụng	Vị trí việc làm	Trình độ chuyên môn nghiệp vụ, năng lực theo yêu cầu		
				Trình độ chuyên môn, ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ
X.1	Bác sĩ (hạng III), V.08.01.03	01	Bác sĩ khoa Nhi	Đại học trở lên, ngành Bác sĩ đa khoa, Bác sĩ chuyên khoa Nhi	Đạt chuẩn kỹ năng sử dụng CNTT cơ bản	Bậc 2 (A2)
X.2	Bác sĩ (hạng III), V.08.01.03	01	Bác sĩ khoa Khám bệnh (Khám, điều trị Y học cổ truyền)	Đại học trở lên, ngành Bác sĩ Y học cổ truyền	Đạt chuẩn kỹ năng sử dụng CNTT cơ bản	Bậc 2 (A2)
X.3	Bác sĩ (hạng III), V.08.01.03	01	Bác sĩ khoa Liên chuyên khoa (khám, điều trị Tai Mũi Họng)	Đại học trở lên, ngành Bác sĩ đa khoa, Bác sĩ chuyên khoa Tai Mũi Họng	Đạt chuẩn kỹ năng sử dụng CNTT cơ bản	Bậc 2 (A2)
X.4	Bác sĩ (hạng III), V.08.01.03	01	Bác sĩ khoa Liên chuyên khoa (khám, điều trị Mắt)	Đại học trở lên, ngành Bác sĩ đa khoa, Bác sĩ chuyên khoa Mắt	Đạt chuẩn kỹ năng sử dụng CNTT cơ bản	Bậc 2 (A2)
X.5	Bác sĩ (hạng III), V.08.01.03	01	Bác sĩ Đơn nguyên điều trị nội trú Sơn Trạch	Đại học, ngành Bác sĩ đa khoa	Đạt chuẩn kỹ năng sử dụng CNTT cơ bản	Bậc 2 (A2)

Mã số dự tuyển	Hạng chức danh nghề nghiệp, mã số chức danh nghề nghiệp	Chỉ tiêu tuyển dụng	Vị trí việc làm	Trình độ chuyên môn nghiệp vụ, năng lực theo yêu cầu		
				Trình độ chuyên môn, ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ
X.6	Viên chức hành chính, 01.003	01	Quản lý chất lượng, phòng Kế hoạch tổng hợp	Đại học trở lên, ngành Bác sĩ đa khoa hoặc chuyên khoa, Bác sĩ y học dự phòng, Y tế công cộng, Quản lý y tế, Dược, Điều Dưỡng.	Đạt chuẩn kỹ năng sử dụng CNTT cơ bản	Bậc 2 (A2)
X.7	Điều dưỡng hạng III, V.08.05.12	01	Điều dưỡng khoa Nội Tổng hợp	Đại học trở lên, ngành Điều dưỡng	Đạt chuẩn kỹ năng sử dụng CNTT cơ bản	Bậc 2 (A2)
X.8	Điều dưỡng hạng IV, V.08.05.13	01	Điều dưỡng khoa Nội Tổng hợp	Trung cấp trở lên, ngành Điều dưỡng	Đạt chuẩn kỹ năng sử dụng CNTT cơ bản	Bậc 1 (A1)
X.9	Điều dưỡng hạng IV, V.08.05.13	01	Điều dưỡng khoa Phụ sản	Trung cấp trở lên, ngành Điều dưỡng Phụ sản	Đạt chuẩn kỹ năng sử dụng CNTT cơ bản	Bậc 1 (A1)
X.10	Điều dưỡng hạng IV, V.08.05.13	01	Điều dưỡng khoa Ngoại Tổng hợp	Trung cấp trở lên, ngành Điều dưỡng	Đạt chuẩn kỹ năng sử dụng CNTT cơ bản	Bậc 1 (A1)
X.11	Điều dưỡng hạng IV, V.08.05.13	02	Điều dưỡng khoa Truyền nhiễm	Trung cấp trở lên, ngành Điều dưỡng	Đạt chuẩn kỹ năng sử dụng CNTT cơ bản	Bậc 1 (A1)
X.12	Điều dưỡng hạng IV, V.08.05.13	01	Điều dưỡng khoa Y học cổ truyền	Trung cấp trở lên, ngành Điều dưỡng	Đạt chuẩn kỹ năng sử dụng CNTT cơ bản	Bậc 1 (A1)
X.13	Điều dưỡng hạng III, V.08.05.12	01	Điều dưỡng khoa Y học cổ truyền	Đại học trở lên, ngành Điều dưỡng	Đạt chuẩn kỹ năng sử dụng CNTT cơ bản	Bậc 2 (A2)

Mã số dự tuyển	Hạng chức danh nghề nghiệp, mã số chức danh nghề nghiệp	Chỉ tiêu tuyển dụng	Vị trí việc làm	Trình độ chuyên môn nghiệp vụ, năng lực theo yêu cầu		
				Trình độ chuyên môn, ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ
X.14	Điều dưỡng hạng IV, V.08.05.13	01	Điều dưỡng khoa Nhi	Trung cấp trở lên, ngành Điều dưỡng	Đạt chuẩn kỹ năng sử dụng CNTT cơ bản	Bậc 1 (A1)
X.15	Điều dưỡng hạng III, V.08.05.12	01	Điều dưỡng khoa Nhi	Đại học trở lên, ngành Điều dưỡng	Đạt chuẩn kỹ năng sử dụng CNTT cơ bản	Bậc 2 (A2)
X.16	Điều dưỡng hạng IV, V.08.05.13	01	Điều dưỡng khoa Chẩn đoán hình ảnh	Trung cấp trở lên, ngành Điều dưỡng	Đạt chuẩn kỹ năng sử dụng CNTT cơ bản	Bậc 1 (A1)
X.17	Điều dưỡng hạng IV, V.08.05.13	01	Điều dưỡng Đơn nguyên Điều trị nội trú Sơn Trạch	Trung cấp trở lên, ngành Điều dưỡng	Đạt chuẩn kỹ năng sử dụng CNTT cơ bản	Bậc 1 (A1)
X.18	Y sỹ hạng IV, mã số V.08.03.07	01	Nhân viên hỗ trợ hành chính khoa Y học cổ truyền	Trung cấp, ngành Y sỹ Y học cổ truyền	Đạt chuẩn kỹ năng sử dụng CNTT cơ bản	Bậc 1 (A1)
X.19	Y sỹ hạng IV, mã số V.08.03.07	02	Khử khuẩn, tiệt khuẩn, quản lý đồ vải, vệ sinh môi trường khoa Kiểm soát nhiễm khuẩn	Trung cấp, ngành Y sỹ đa khoa	Đạt chuẩn kỹ năng sử dụng CNTT cơ bản	Bậc 1 (A1)
X.20	Nhân viên hành chính, mã số 01.005	01	Hành chính tổng hợp, quản trị thuộc Phòng Tổ chức hành chính	Trung cấp trở lên, các ngành về y, dược, y tế công cộng, quản lý y tế, quản trị nhân lực, thư viện thông tin, luật.	Đạt chuẩn kỹ năng sử dụng CNTT cơ bản	Bậc 1 (A1)

Mã số dự tuyển	Hạng chức danh nghề nghiệp, mã số chức danh nghề nghiệp	Chỉ tiêu tuyển dụng	Vị trí việc làm	Trình độ chuyên môn nghiệp vụ, năng lực theo yêu cầu		
				Trình độ chuyên môn, ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ
X.21	Hộ sinh hạng IV, V.08.06.16	01	Hộ sinh Đơn nguyên Điều trị nội trú Sơn Trạch	Trung cấp trở lên, ngành Hộ sinh	Đạt chuẩn kỹ năng sử dụng CNTT cơ bản	Bậc 1 (A1)
X.22	Dược hạng IV, mã số V.08.08.23	03	Dược tại khoa Dược	Trung cấp trở lên, ngành Dược	Đạt chuẩn kỹ năng sử dụng CNTT cơ bản	Bậc 1 (A1)
X.23	Kế toán viên, mã số 06.031	02	Kế toán thu phí tại phòng Tài chính kế toán	Đại học trở lên, ngành Kiểm toán, Tài chính, Kế toán	Đạt chuẩn kỹ năng sử dụng CNTT cơ bản	Bậc 2 (A2)
X.24	Viên chức hành chính, 01.003	01	Tổ chức nhân sự thuộc Phòng Tổ chức hành chính	Đại học trở lên, ngành quản trị nhân lực, luật, các ngành về y, dược, công tác xã hội, báo chí, sử, văn, y tế công cộng, quản lý y tế.	Đạt chuẩn kỹ năng sử dụng CNTT cơ bản	Bậc 2 (A2)

(Gồm có 29 chỉ tiêu/24 vị trí việc làm)

Ghi chú:

* *Trình độ tin học: Người dự tuyển có trình độ tin học đáp ứng yêu cầu của vị trí dự tuyển tại phụ lục này hoặc có trình độ tin học đáp ứng theo mục 2.3 phần II của kế hoạch này là đủ tiêu chuẩn về trình độ tin học.*

* *Trình độ ngoại ngữ: Người dự tuyển có trình độ ngoại ngữ đáp ứng yêu cầu của vị trí dự tuyển tại phụ lục này hoặc có trình độ ngoại ngữ đáp ứng theo mục 2.2 phần II của kế hoạch này là đủ tiêu chuẩn về trình độ ngoại ngữ.*

* *Các ngành về y tại kế hoạch này, gồm: Bác sĩ đa khoa, Bác sĩ Y học dự phòng, Bác sĩ Y học cổ truyền, Điều dưỡng, Hộ sinh, Kỹ thuật y, Y sĩ.*

* *Đối với các vị trí tuyển dụng mà tại phần "Trình độ chuyên môn, ngành hoặc chuyên ngành đào tạo" có nhiều ngành, chuyên ngành thì thí sinh có tối thiểu 01 ngành hoặc chuyên ngành theo yêu cầu là đủ tiêu chuẩn về trình độ chuyên môn./.*

T T	Khoa, phòng	Viên chức hiện có												Sau khi tuyển dụng													
		Tổng	Bác sỹ	Điều dưỡng	Hộ sinh	Kỹ thuật Y		Y sỹ	Dược đại học	Dược cao đẳng, T. cấp	Công nghệ thông tin	Kế toán	CN Y tế công cộng	Khác	Tổng	Bác sỹ	Điều dưỡng	Hộ sinh	Kỹ thuật Y		Y sỹ	Dược đại học	Dược cao đẳng, T. cấp	Công nghệ thông tin	Kế toán	CN Y tế công cộng	Khác
						Xét nghiệm	Hình ảnh												Xét nghiệm	Hình ảnh							
2	Khoa Nội	26	8	18											28	8	20										
3	Khoa Ngoại	25	5	18	2										26	5	19	2									
4	Khoa Phụ sản	15	3		12										16	3	1	12									
5	Khoa Nhi	10	2	8											13	3	10										
6	Khoa Truyền nhiễm	10	2	8											12	2	10										
7	Hồi sức tích cực - CD	13	3	9	1										13	3	9	1									
8	Khoa Liên chuyên khoa	12	3	9											14	5	9										
9	Khoa Y học cổ truyền	14	4	10											16	4	12										
10	ĐNĐTNT Sơn Trạch	9	2	6	1										12	3	7	2									
CẬN LÂM SÀNG, DƯỢC		54	7	8	0	16	3	4	5	9	0	0	0	2	60	7	9	0	16	3	6	5	12	0	0	0	2
1	Khoa Xét nghiệm	16	1			15									16	1			15								
2	Khoa Chẩn đoán hình ảnh	14	5	6			3								15	5	7			3							
3	Khoa Dược	12							4	8					15							4	11				
4	Khoa Kiểm soát nhiễm khuẩn	4		1				2						1	6		1				4						1
5	Khoa Dinh dưỡng	5	1	1				2						1	5	1	1				2						1
6	ĐNĐTNT Sơn Trạch	3				1			1	1					3				1			1	1				
Tổng		238	51	105	19	17	3	4	6	11	1	9	0	12	267	56	117	20	17	3	7	6	14	1	11	0	15

PHẦN II. CƠ CẤU VIÊN CHỨC CỦA BỆNH VIỆN

TT	Cơ cấu	Tỷ lệ quy định tại Thông tư số 08/2007/ TTLT-BYT-BNV	Tỷ lệ hiện có	Tỷ lệ sau khi tuyển dụng	Ghi chú
A	Cơ cấu bộ phận				
1	Lâm sàng	60 - 65 %	149/238 (62,6%)	166/267 (62,2%)	
2	Cận lâm sàng và dược	15 - 22%	54/238 (22,7%)	60/267 (22,5%)	
3	Quản lý, hành chính	18 - 20%	35/238 (14,7%)	41/267(15,4%)	
B	Cơ cấu chuyên môn				
1	Bác sỹ/chuyên môn y tế khác (điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y)	1/3 - 1/3,5	1/2,8 (51/144)	1/2,8 (56/157)	
2	Dược sỹ đại học/bác sỹ	1/8 - 1/15	1/8,5 (6/51)	1/9,3 (6/56)	
3	Dược sỹ đại học/dược sỹ trung cấp, cao đẳng	1/2 – 1/2,5	1/1,8 (6/11)	1/2,3 (6/14)	

PHỤ LỤC 4
PHÂN BỐ VIÊN CHỨC THEO ĐỀ ÁN VỊ TRÍ VIỆC LÀM TẠI BỆNH VIỆN ĐA KHOA HUYỆN BỐ TRẠCH

TT	Danh mục vị trí việc làm	Chức danh lãnh đạo, quản lý	Chức danh nghề nghề nghiệp	Số lượng người làm việc cần thiết theo từng hạng chức danh nghề nghiệp đã được phê duyet tại Đề án Vị trí việc làm					Số lượng viên chức hiện có				
				Tổng số	Khác	Trong đó			Tổng số	Khác	Trong đó		
						IV	III	II			IV	III	II
I	Tên vị trí việc làm gắn với công việc lãnh đạo, quản lý điều hành			56	0	0	54	2	34	0	1	31	2
1	Vị trí cấp trưởng đơn vị			1	0	0	0	1	1	0	0	0	1
1,1	Giám đốc	Giám đốc	Bác sĩ, Bác sĩ chính hoặc tương đương	1				1	1				1
2	Vị trí cấp phó đơn vị			3	0	0	2	1	3	0	0	2	1
2.1	Phó Giám đốc	Phó Giám đốc	Bác sĩ, Bác sĩ chính hoặc tương đương	3			2	1	3			2	1
3	Vị trí cấp trưởng các khoa, phòng			19	0	0	19	0	12	0	1	11	0
3.1	Trưởng khoa Khám bệnh	Trưởng khoa	Bác sĩ	1			1		1			1	
3.2	Trưởng khoa Cấp cứu - Hồi sức tích cực và Chống độc	Trưởng khoa	Bác sĩ	1			1						
3.3	Trưởng khoa Ngoại tổng hợp	Trưởng khoa	Bác sĩ	1			1		1			1	
3.4	Trưởng khoa Nội tổng hợp	Trưởng khoa	Bác sĩ	1			1		1			1	

TT	Danh mục vị trí việc làm	Chức danh lãnh đạo, quản lý	Chức danh nghề nghiệp	Số lượng người làm việc cần thiết theo từng hạng chức danh nghề nghiệp đã được phê duyệt tại Đề án Vị trí việc làm					Số lượng viên chức hiện có				
				Tổng số	Khác	Trong đó			Tổng số	Khác	Trong đó		
						IV	III	II			IV	III	II
3.5	Trưởng khoa Nhi	Trưởng khoa	Bác sĩ	1			1		1			1	
3.6	Trưởng khoa Phụ sản	Trưởng khoa	Bác sĩ	1			1		1			1	
3.7	Trưởng khoa Y học cổ truyền	Trưởng khoa	Bác sĩ	1			1						
3.8	Trưởng khoa Truyền nhiễm	Trưởng khoa	Bác sĩ	1			1		1			1	
3.9	Trưởng khoa Chẩn đoán hình ảnh	Trưởng khoa	Bác sĩ	1			1		1			1	
3.10	Trưởng khoa Xét nghiệm	Trưởng khoa	Bác sĩ hoặc tương đương	1			1		1			1	
3.11	Trưởng khoa Dược	Trưởng khoa	Dược sĩ	1			1		1			1	
3.12	Trưởng khoa Dinh dưỡng	Trưởng khoa	Bác sĩ hoặc tương đương	1			1		1		1		
3.13	Trưởng khoa Kiểm soát nhiễm khuẩn	Trưởng khoa	Điều dưỡng hoặc tương đương	1			1		1			1	
3.14	Trưởng Đơn nguyên điều trị nội trú Sơn Trạch	Trưởng Đơn nguyên	Bác sĩ hoặc tương đương	1			1						
3.15	Trưởng phòng Điều dưỡng	Trưởng phòng	Điều dưỡng hoặc tương đương	1			1		1			1	
3.16	Trưởng phòng Tổ chức - Hành chính	Trưởng phòng	Chuyên viên hoặc tương đương	1			1						
3.17	Trưởng phòng Kế hoạch Tổng hợp	Trưởng phòng	Bác sĩ hoặc tương đương	1			1						

TT	Danh mục vị trí việc làm	Chức danh lãnh đạo, quản lý	Chức danh nghề nghiệp	Số lượng người làm việc cần thiết theo từng hạng chức danh nghề nghiệp đã được phê duyệt tại Đề án Vị trí việc làm					Số lượng viên chức hiện có				
				Tổng số	Khác	Trong đó			Tổng số	Khác	Trong đó		
						IV	III	II			IV	III	II
3.18	Trưởng phòng Tài chính Kế toán	Trưởng phòng	Chuyên viên hoặc tương đương	1			1						
3.19	Trưởng khoa Liên chuyên khoa	Trưởng khoa	Bác sĩ	1			1						
4	Vị trí cấp phó các khoa, phòng:			20	0	0	20	0	8	0	0	8	0
4.1	Phó Trưởng khoa Khám bệnh	Phó Trưởng khoa	Bác sĩ	1			1						
4.2	Phó Trưởng khoa Cấp cứu - Hồi sức tích cực và Chống độc	Phó Trưởng khoa	Bác sĩ	1			1		1			1	
4.3	Phó Trưởng khoa Ngoại tổng hợp	Phó Trưởng khoa	Bác sĩ	1			1						
4.4	Phó Trưởng khoa Nội tổng hợp	Phó Trưởng khoa	Bác sĩ	1			1						
4.5	Phó Trưởng khoa Nhi	Phó Trưởng khoa	Bác sĩ	1			1						
4.6	Phó Trưởng khoa Phụ sản	Phó Trưởng khoa	Bác sĩ	1			1						
4.7	Phó Trưởng khoa Y học cổ truyền	Phó Trưởng khoa	Bác sĩ	1			1		1			1	
4.8	Phó Trưởng khoa Truyền nhiễm	Phó Trưởng khoa	Bác sĩ	1			1						
4.9	Phó Trưởng khoa Chẩn đoán hình ảnh	Phó Trưởng khoa	Bác sĩ hoặc tương đương	1			1						
4.10	Phó Trưởng khoa Xét nghiệm	Phó Trưởng khoa	Kỹ thuật Y	1			1		1			1	

TT	Danh mục vị trí việc làm	Chức danh lãnh đạo, quản lý	Chức danh nghề nghiệp	Số lượng người làm việc cần thiết theo từng hạng chức danh nghề nghiệp đã được phê duyệt tại Đề án Vị trí việc làm					Số lượng viên chức hiện có				
				Tổng số	Khác	Trong đó			Tổng số	Khác	Trong đó		
						IV	III	II			IV	III	II
4.11	Phó Trưởng khoa Dược	Phó Trưởng khoa	Dược sĩ	1			1						
4.12	Phó Trưởng khoa Dinh dưỡng	Phó Trưởng khoa	Bác sĩ hoặc tương đương	1			1						
4.13	Phó Trưởng khoa Kiểm soát nhiễm khuẩn	Phó Trưởng khoa	Điều dưỡng	1			1						
4.14	Phó Trưởng Đơn nguyên điều trị nội trú Sơn Trạch	Phó Trưởng khoa	Bác sĩ	1			1		1			1	
4.15	Phó Trưởng phòng Điều dưỡng	Phó trưởng phòng	Điều dưỡng hoặc tương đương	1			1		1			1	
4.16	Phó Trưởng phòng Tổ chức - Hành chính	Phó trưởng phòng	Chuyên viên hoặc tương đương	2			2		2			2	
4.17	Phó Trưởng phòng Kế hoạch tổng hợp	Phó trưởng phòng	Bác sĩ hoặc tương đương	1			1		1			1	
4.18	Phó Trưởng phòng Tài chính - Kế toán	Phó trưởng phòng	Chuyên viên hoặc tương đương	1			1						
4.19	Phó Trưởng khoa Liên chuyên khoa	Phó Trưởng khoa	Bác sĩ	1			1						
5	Vị trí Điều dưỡng, Hộ sinh, Kỹ thuật viên trưởng khoa:			13	0	0	13	0	10	0	0	10	0
5.1	Điều dưỡng trưởng khoa Khám bệnh	Điều dưỡng trưởng khoa	Điều dưỡng	1			1		1			1	
5.2	Điều dưỡng trưởng khoa Cấp cứu - Hồi sức tích cực và Chống độc	Điều dưỡng trưởng khoa	Điều dưỡng	1			1						

TT	Danh mục vị trí việc làm	Chức danh lãnh đạo, quản lý	Chức danh nghề nghiệp	Số lượng người làm việc cần thiết theo từng hạng chức danh nghề nghiệp đã được phê duyệt tại Đề án Vị trí việc làm					Số lượng viên chức hiện có				
				Tổng số	Khác	Trong đó			Tổng số	Khác	Trong đó		
						IV	III	II			IV	III	II
5.3	Điều dưỡng trưởng khoa Ngoại tổng hợp	Điều dưỡng trưởng khoa	Điều dưỡng	1			1		1			1	
5.4	Điều dưỡng trưởng khoa Nội tổng hợp	Điều dưỡng trưởng khoa	Điều dưỡng	1			1		1			1	
5.5	Điều dưỡng trưởng khoa Nhi	Điều dưỡng trưởng khoa	Điều dưỡng	1			1		1			1	
5.6	Điều dưỡng trưởng khoa Y học cổ truyền	Điều dưỡng trưởng khoa	Điều dưỡng	1			1		1			1	
5.7	Điều dưỡng trưởng khoa Truyền nhiễm	Điều dưỡng trưởng khoa	Điều dưỡng	1			1		1			1	
5.8	Điều dưỡng trưởng khoa Kiểm soát nhiễm khuẩn	Điều dưỡng trưởng khoa	Điều dưỡng	1			1						
5.9	Điều dưỡng trưởng Đơn nguyên điều trị nội trú Sơn Trạch	Điều dưỡng trưởng khoa	Điều dưỡng	1			1						
5.10	Điều dưỡng trưởng khoa Liên chuyên khoa	Điều dưỡng trưởng khoa	Điều dưỡng	1			1		1			1	
5.11	Kỹ thuật viên trưởng khoa Chẩn đoán hình ảnh	Kỹ thuật viên trưởng khoa	Kỹ thuật y	1			1		1			1	
5.12	Kỹ thuật viên trưởng khoa Xét nghiệm	Kỹ thuật viên trưởng khoa	Kỹ thuật y	1			1		1			1	
5.13	Hộ sinh trưởng khoa Phụ sản	Hộ sinh trưởng khoa	Hộ sinh	1			1		1			1	

TT	Danh mục vị trí việc làm	Chức danh lãnh đạo, quản lý	Chức danh nghề nghiệp	Số lượng người làm việc cần thiết theo từng hạng chức danh nghề nghiệp đã được phê duyệt tại Đề án Vị trí việc làm					Số lượng viên chức hiện có				
				Tổng số	Khác	Trong đó			Tổng số	Khác	Trong đó		
						IV	III	II			IV	III	II
II	Tên vị trí việc làm gắn với hoạt động nghề nghiệp:			226	0	157	69	0	174	0	125	49	0
1	Khoa Khám bệnh			22	0	15	7	0	13	0	9	4	0
1.1	Bác sĩ		Bác sĩ	5			5		4			4	
1.2	Điều dưỡng		Điều dưỡng	16		15	1		8		8		
1.3	Hộ sinh		Hộ sinh	1			1		1		1		
2	Khoa Cấp cứu - Hồi sức tích cực và Chống độc			14	0	9	5	0	12	0	9	3	0
2.1	Bác sĩ		Bác sĩ	2			2		2			2	
2.2	Điều dưỡng		Điều dưỡng	11		9	2		9		8	1	
2.3	Hộ sinh		Hộ sinh	1			1		1		1		
3	Khoa Ngoại tổng hợp			28	0	21	7	0	23	0	17	6	0
3.1	Bác sĩ		Bác sĩ	4			4		4			4	
3.2	Điều dưỡng		Điều dưỡng	21		19	2		16		15	1	
3.3	Hộ sinh		Hộ sinh	2		1	1		2		1	1	
3,4	Kỹ thuật y		Kỹ thuật y	1		1			1		1		

TT	Danh mục vị trí việc làm	Chức danh lãnh đạo, quản lý	Chức danh nghề nghiệp	Số lượng người làm việc cần thiết theo từng hạng chức danh nghề nghiệp đã được phê duyệt tại Đề án Vị trí việc làm					Số lượng viên chức hiện có				
				Tổng số	Khác	Trong đó			Tổng số	Khác	Trong đó		
						IV	III	II			IV	III	II
4	Khoa Nội tổng hợp			28	0	19	9	0	24	0	16	8	0
4.1	Bác sĩ		Bác sĩ	7			7		7			7	
4.2	Điều dưỡng		Điều dưỡng	21		19	2		17		16	1	
5	Khoa Nhi			13	0	7	6	0	8	0	6	2	0
5.1	Bác sĩ		Bác sĩ	2			2		1			1	
5.2	Điều dưỡng		Điều dưỡng	11		7	4		7		6	1	
6	Khoa Phụ sản			14	0	11	3	0	13	0	10	3	0
6.1	Bác sĩ		Bác sĩ	2			2		2			2	
6.2	Hộ sinh		Hộ sinh	11		10	1		11		10	1	
6,3	Điều dưỡng		Điều dưỡng	1		1							
7	Khoa Y học cổ truyền			16	0	11	5	0	12	0	9	3	0
7.1	Bác sĩ		Bác sĩ	3			3		3			3	
7.2	Điều dưỡng		Điều dưỡng	12		10	2		9		9		
7.3	Kỹ thuật Y		Kỹ thuật Y	1		1			0				

TT	Danh mục vị trí việc làm	Chức danh lãnh đạo, quản lý	Chức danh nghề nghiệp	Số lượng người làm việc cần thiết theo từng hạng chức danh nghề nghiệp đã được phê duyệt tại Đề án Vị trí việc làm					Số lượng viên chức hiện có				
				Tổng số	Khác	Trong đó			Tổng số	Khác	Trong đó		
						IV	III	II			IV	III	II
8	Khoa Truyền nhiễm			12	0	9	3	0	8	0	6	2	0
8.1	Bác sĩ		Bác sĩ	1			1		1			1	
8.2	Điều dưỡng		Điều dưỡng	11		9	2		7		6	1	
9	Khoa Chẩn đoán hình ảnh			13	0	8	5	0	12	0	7	5	0
9.1	Bác sĩ		Bác sĩ	4			4		4			4	
9.2	Điều dưỡng		Điều dưỡng	7		6	1		6		5	1	
9.3	Kỹ thuật Y		Kỹ thuật Y	2		2			2		2		
10	Đơn nguyên điều trị nội trú Sơn Trạch			16	0	13	3	0	11	0	9	2	0
10.1	Bác sĩ		Bác sĩ	2			2		1			1	
10.2	Điều dưỡng		Điều dưỡng	7		7			6		6		
10.3	Kỹ thuật Y		Kỹ thuật Y	3		3			1		1		
10.4	Hộ sinh		Hộ sinh	2		2			1		1		
10.5	Dược		Dược	2		1	1		2		1	1	
11	Khoa Liên chuyên khoa			15	0	8	7	0	11	0	7	4	0

TT	Danh mục vị trí việc làm	Chức danh lãnh đạo, quản lý	Chức danh nghề nghiệp	Số lượng người làm việc cần thiết theo từng hạng chức danh nghề nghiệp đã được phê duyệt tại Đề án Vị trí việc làm					Số lượng viên chức hiện có				
				Tổng số	Khác	Trong đó			Tổng số	Khác	Trong đó		
						IV	III	II			IV	III	II
11.1	Bác sĩ		Bác sĩ	5			5		3			3	
11.2	Điều dưỡng		Điều dưỡng	10		8	2		8		7	1	
12	Khoa Dược			18	0	14	4	0	11	0	8	3	0
12.1	Dược		Dược	18		14	4		11		8	3	
13	Khoa Xét nghiệm			14	0	10	4	0	13	0	10	3	0
13.1	Kỹ thuật Y		Kỹ thuật Y	14		10	4		13		10	3	
14	Khoa Dinh dưỡng			3	0	2	1	0	3	0	2	1	0
14.1	Dinh dưỡng		Dinh dưỡng	3		2	1		3		2	1	
III	Vị trí việc làm gắn với công việc hỗ trợ, phục vụ:			81	28	27	26	0	30	0	17	13	0
1	Phòng Tổ chức - Hành chính			16	8	6	2	0	4	0	4	0	0
1.1	Tổ chức nhân sự		Cán sự hoặc tương đương trở lên	2		1	1		1		1		
1.2	Hành chính tổng hợp, quản trị		Cán sự hoặc tương đương trở lên	4		3	1		2		2		
1.3	Văn thư		Cán sự hoặc tương đương	1		1			0				
1.4	Thủ quỹ		Kế toán viên trung cấp hoặc tương đương	1		1			1		1		

TT	Danh mục vị trí việc làm	Chức danh lãnh đạo, quản lý	Chức danh nghề nghiệp	Số lượng người làm việc cần thiết theo từng hạng chức danh nghề nghiệp đã được phê duyệt tại Đề án Vị trí việc làm					Số lượng viên chức hiện có				
				Tổng số	Khác	Trong đó			Tổng số	Khác	Trong đó		
						IV	III	II			IV	III	II
1.5	Sửa chữa điện nước		Nhân viên	1	1								
1.6	Lái xe		Nhân viên	3	3								
1.7	Bảo vệ		Nhân viên	4	4								
2	Phòng Kế hoạch -Tổng hợp			15	0	3	12	0	6	0	1	5	0
2.1	Kế hoạch tổng hợp		Chuyên viên hoặc tương đương	4			4		1			1	
2.2	Nghiên cứu khoa học và đào tạo		Bác sĩ hoặc tương đương	1			1		1			1	
2.3	Quản lý chất lượng		Bác sĩ hoặc tương đương	3			3		1			1	
2.4	Chỉ đạo tuyến		Bác sĩ hoặc tương đương	1			1		1			1	
2.5	Lưu trữ, khai thác hồ sơ bệnh án		Cán sự hoặc tương đương	2		2			1		1		
2.6	Vật tư thiết bị y tế		Kỹ thuật viên hoặc tương đương trở lên	2		1	1						
2.7	Công nghệ thông tin		Quản trị viên hệ thống hoặc tương đương	2			2		1			1	
3	Phòng Điều dưỡng			10	0	10		0	6	0	6	0	0
3.1	Công tác xã hội		Nhân viên công tác xã hội hoặc tương đương	8		8			5		5		

TT	Danh mục vị trí việc làm	Chức danh lãnh đạo, quản lý	Chức danh nghề nghiệp	Số lượng người làm việc cần thiết theo từng hạng chức danh nghề nghiệp đã được phê duyệt tại Đề án Vị trí việc làm					Số lượng viên chức hiện có				
				Tổng số	Khác	Trong đó			Tổng số	Khác	Trong đó		
						IV	III	II			IV	III	II
3.2	Công tác điều dưỡng		Điều dưỡng hoặc tương đương	2		2			1		1		
4	Phòng Tài chính kế toán			9	0	1	8	0	7	0	2	5	0
4.1	Tài chính kế toán		Kế toán viên	2			2		2			2	
4.2	Kế toán thu phí		Kế toán viên trung cấp trở lên	5		1	4		3		1	2	
4.3	Kế toán vật tư, thanh toán, tài sản, tổng hợp, kế toán lương		Kế toán viên	2			2		2		1	1	
5	Đơn nguyên điều trị nội trú Sơn Trạch			4	1	1	2	0	3	0	1	2	0
5.1	Kế toán thu phí		Kế toán viên trung cấp	2			2		2			2	
5.2	Công tác xã hội		Nhân viên công tác xã hội	1		1			1		1		
5.3	Bảo vệ			1	1								
6	Khoa Dinh dưỡng			3	2	1	0	0	1	0	1	0	0
6.1	Nấu ăn tập thể		Nhân viên	2	2								
6.2	Nhân viên hỗ trợ hành chính các khoa		Y sĩ hoặc tương đương	1		1			1		1		
7	Khoa Y học cổ truyền			1		1							
7.1	Nhân viên hỗ trợ hành chính các khoa		Y sĩ hoặc tương đương	1		1							

TT	Danh mục vị trí việc làm	Chức danh lãnh đạo, quản lý	Chức danh nghề nghiệp	Số lượng người làm việc cần thiết theo từng hạng chức danh nghề nghiệp đã được phê duyệt tại Đề án Vị trí việc làm					Số lượng viên chức hiện có				
				Tổng số	Khác	Trong đó			Tổng số	Khác	Trong đó		
						IV	III	II			IV	III	II
8	Khoa kiểm soát nhiễm khuẩn			9	3	4	2	0	3	0	2	1	0
8.1	Kiểm soát nhiễm khuẩn		Điều dưỡng hoặc tương đương	2		1	1		1		1		
8.2	Quản lý, xử lý chất thải y tế		Kỹ sư hoặc tương đương	1			1		1			1	
8.3	Khử khuẩn, tiệt khuẩn, quản lý đồ vải, vệ sinh môi trường		Y sĩ hoặc tương đương	3		3			1		1		
8.4	Vệ sinh, chăm sóc bảo vệ cảnh quan cơ quan		Nhân viên	2	2								
8.5	Hộ lý		Nhân viên	1	1								
9	Y công		Nhân viên	14	14								
	Tổng số			363	28	184	149	2	238	0	143	93	2

Phụ lục 5
TÌNH HÌNH THỰC HIỆN TÌNH GIẢN BIÊN CHẾ GIAI ĐOẠN 2015-2021
TẠI BỆNH VIỆN ĐA KHOA HUYỆN BỐ TRẠCH

- 1. Chỉ tiêu tình giản biên chế được giao: 21**
- 2. Tình hình thực hiện tình giản biên chế và nghỉ hưu qua các năm**

Năm	2015	2016	2017	2018	2019	2020	2021
Hình thức giản							
Nghỉ hưu	1	4	5	2	5	0	2
Tình giản theo nghị định 108/NĐ-CP	1	1	0	0	0	0	0

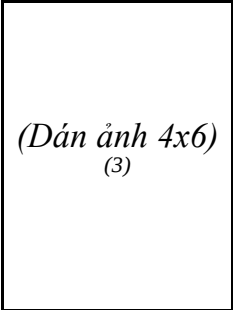
PHỤ LỤC 6. KHẢ NĂNG TÀI CHÍNH CỦA BỆNH VIỆN ĐA KHOA HUYỆN BỐ TRẠCH

T T	Đơn vị	Báo cáo khả năng tài chính (Đ/v tính: Triệu đồng)														
		Ngân sách cấp					Thu sự nghiệp					Phần được trích lại từ nguồn thu để chi cho hoạt động (*)				
		2018	2019	2020	KH 2022	KH 2022	2018	2019	2020	KH 2022	KH 2022	2018	2019	2020	KH 2022	KH 2022
1	Bệnh viện đa khoa huyện Bố Trạch	4.255	4.711	4.904	4.904	4.094	45.716	59.043	50.000	51.000	52.000	21.234	22.851	24.000	26.000	28.000

(*) chi trả tất cả các khoản cho người lao động, viên chức sự nghiệp hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm



PHIẾU ĐĂNG KÝ DỰ TUYỂN

Vị trí dự tuyển⁽¹⁾:
.....
Đơn vị dự tuyển⁽²⁾:
.....

I. THÔNG TIN CÁ NHÂN

Họ và tên:.....	Nam ☐	Nữ ☐
Ngày, tháng, năm sinh:.....		
Dân tộc:..... Tôn giáo:.....		
Số CMND hoặc Thẻ căn cước công dân..... Ngày cấp:.....		
Nơi cấp:.....		
.....		
Số điện thoại di động để báo tin:.....		
Email:.....		
Quê quán:.....		
.....		
Hộ khẩu thường trú:.....		
.....		
Chỗ ở hiện nay (để báo tin):.....		
.....		
Tình trạng sức khỏe:....., Chiều cao:....., Cân nặng:..... kg		
Thành phần bản thân hiện nay:.....		
Trình độ văn hóa:.....		
Trình độ chuyên môn:		
Loại hình đào tạo:.....		

II. THÔNG TIN ĐÀO TẠO

Ngày, tháng, năm cấp văn bằng, chứng chỉ	Tên trường, cơ sở đào tạo cấp	Trình độ văn bằng, chứng chỉ	Số hiệu của văn bằng, chứng chỉ	Chuyên ngành đào tạo (ghi theo bảng điểm)	Ngành đào tạo	Hình thức đào tạo	Xếp loại bằng, chứng chỉ

III. MIỄN THI NGOẠI NGỮ, TIN HỌC

(Thí sinh thuộc diện miễn thi ngoại ngữ, tin học cần ghi rõ lý do miễn thi ở mục này)

Miễn thi ngoại ngữ do:

Miễn thi tin học do:

IV. ĐĂNG KÝ DỰ THI MÔN NGOẠI NGỮ

(Thí sinh lựa chọn và ghi rõ đăng ký thi một trong năm thứ tiếng: Anh, Pháp, Nga, Trung Quốc, Đức hoặc ngoại ngữ khác theo yêu cầu của vị trí dự tuyển. Thí sinh được miễn thi môn ngoại ngữ không phải điền thông tin ở mục này).

Đăng ký dự thi ngoại ngữ:

V. ĐỐI TƯỢNG ƯU TIÊN (nếu có)

.....

Tôi xin cam đoan những lời khai trên của tôi là đúng sự thật. Sau khi nhận được thông báo trúng tuyển tôi sẽ hoàn thiện hồ sơ theo quy định. Nếu sai sự thật thì kết quả tuyển dụng của tôi sẽ bị cơ quan có thẩm quyền tuyển dụng hủy bỏ, tôi sẽ chịu trách nhiệm trước pháp luật và cam kết không đăng ký tham gia kỳ tuyển dụng kế tiếp tại cơ quan tuyển dụng./.

NGƯỜI VIẾT PHIẾU

(Ký, ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

- (1) Ghi đúng vị trí việc làm đăng ký dự tuyển;
- (2) Ghi đúng tên cơ quan, tổ chức, đơn vị có chỉ tiêu tuyển dụng;
- (3) Người viết phiếu tích dấu X vào ô tương ứng ô Nam, Nữ.